Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8404.90.21

Mã HS	8404.90.21
Mô tả hàng hóa	Thiết bị phụ trợ dùng cho các loại nồi hơi thuộc nhóm 84.02 hoặc 84.03 (ví dụ, bộ tiết kiệm nhiên liệu, thiết bị quá nhiệt, máy cạo rửa nồi hơi, thiết bị thu hồi chất khí); thiết bị ngưng tụ dùng cho các tổ máy động lực hơi nước hoặc hơi khác / - Bộ phận: / - - Của hàng hóa thuộc phân nhóm 8404.10.20: / - - - Thân, vỏ hoặc vỏ bọc nồi hơi (SEN)
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	11/11/2026 08:36:26
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84049021/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12855
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12855
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q12855
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12129
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12072
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12072
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12072
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12072
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12072
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12072
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12124
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12124
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12124
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12124

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12124
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12124
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12125
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12125
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12125
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12125
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12125
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12125
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12128
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12078
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F12084
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G12084
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H12084
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I12084
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J12084
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K12084
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12117
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12117
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12117
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12117
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12117
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12117
VCFTA	2022	2022	0	VC!D12162
VCFTA	2023	2023	0	VC!E12162
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12162
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12162

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12162
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12162
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D12147
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E12147
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F12147
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G12147
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H12147
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I12147
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D12147
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E12147
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F12147
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G12147
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H12147
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12147
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D12164
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E12164
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F12164
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12164
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12164
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12164
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D12163
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E12163
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F12163
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12163
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12163
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12163

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12110
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12110
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12110
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12110
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12110
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12110
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12110
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D12147
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E12147
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F12147
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G12147
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H12147
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I12147
RCEP B	2022	2022	0	B!D12147
RCEP B	2023	2023	0	B!E12147
RCEP B	2024	2024	0	B!F12147
RCEP B	2025	2025	0	B!G12147
RCEP B	2026	2026	0	B!H12147
RCEP B	2027	2027	0	B!I12147
RCEP C	2022	2022	0	C!D12147
RCEP C	2023	2023	0	C!E12147
RCEP C	2024	2024	0	C!F12147
RCEP C	2025	2025	0	C!G12147
RCEP C	2026	2026	0	C!H12147
RCEP C	2027	2027	0	C!I12147
RCEP D	2022	2022	0	D!D12146

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E12146
RCEP D	2024	2024	0	D!F12146
RCEP D	2025	2025	0	D!G12146
RCEP D	2026	2026	0	D!H12146
RCEP D	2027	2027	0	D!I12146
RCEP E	2022	2022	0	E!D12150
RCEP E	2023	2023	0	E!E12150
RCEP E	2024	2024	0	E!F12150
RCEP E	2025	2025	0	E!G12150
RCEP E	2026	2026	0	E!H12150
RCEP E	2027	2027	0	E!I12150
RCEP F	2022	2022	0	F!D12147
RCEP F	2023	2023	0	F!E12147
RCEP F	2024	2024	0	F!F12147
RCEP F	2025	2025	0	F!G12147
RCEP F	2026	2026	0	F!H12147
RCEP F	2027	2027	0	F!I12147
VIFTA	2024	2024	0	VI!F11231
VIFTA	2025	2025	0	VI!G11231
VIFTA	2026	2026	0	VI!H11231
VIFTA	2027	2027	0	VI!I11231

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8404.90 có 5 dòng thuế; dòng 8404.90.21 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Thân, vỏ hoặc vỏ bọc nồi hơi (SEN).	8404.90.11 Thân, vỏ hoặc vỏ bọc nồi hơi (SEN); 8404.90.19 Loại khác; 8404.90.29 Loại khác; 8404.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8404.90.21. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8404.90.21 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12855), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.